

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT MAI THANH THẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường đầy đủ: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MAI THANH THẾ

Năm thành lập: 1983

2. Địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ và website:

- Địa chỉ: Số 41 Khu vực 1, Phường Ngã Năm, Thành phố Cần Thơ.

- Số điện thoại: 02993869168;

- Email: thptmaithanhthe@soctrang.edu.vn

- Website: <http://www.thptmaithanhthe.edu.vn/>

- Một số trang cổng thông tin chính thống của trường:

+ Cổng thông tin của trường: <https://www.facebook.com/the.maithanh.77>

+ Cổng thông tin của Đoàn thanh niên: <https://www.facebook.com/dtn.maithanhthe>

+ Cổng thông tin của Công đoàn cơ sở:

3. Loại hình cơ sở giáo dục công lập

4. Sứ mệnh tầm nhìn, mục tiêu của trường THPT Mai Thanh Thế

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, phát huy năng lực sáng tạo để mỗi học sinh được phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4.2. Tầm nhìn

Ngôi trường có môi trường giáo dục chất lượng cao của tỉnh, địa chỉ đáng tin cậy để học sinh lựa chọn học tập và rèn luyện, tạo cơ hội cho tất cả mọi người được phát huy năng lực bản thân trong học tập, rèn luyện để vươn tới đỉnh cao, hội nhập Quốc tế.

Phân đầu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Yêu nước	- Tôn trọng truyền thống	- Nhân ái
- Chăm chỉ	- Trách nhiệm	- Hội nhập

- Trung thực	- Đoàn kết	- Nề nếp
- Năng động, sáng tạo	- Thích ứng	- Kỷ cương

4.4. Phương châm

4.4.1. Phương châm hành vi, kỹ năng:

5 Xin: Xin chào; Xin phép, Xin lỗi, Xin cảm ơn, Xin góp ý!

5 Nhớ:

- Chuẩn bị bài tốt nhất trước khi đến lớp.
- Xếp bàn ghế, đồ dùng trong lớp ngăn nắp
- Nhớ lau bảng sau mỗi tiết học.
- Nhớ thu gom rác bỏ đúng nơi quy định.
- Nhớ tắt hết thiết bị điện, khi không sử dụng

4.4.2. Phương châm tổng quát

- Các em hãy tự hào về nhà trường hôm nay, nhà trường sẽ tự hào về các em mai sau.
- Chất lượng giáo dục là danh dự, là uy tín của nhà trường.

4.5. Mục tiêu

Phấn đấu xây dựng nhà trường trở thành trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, trường nằm trong top 15 trường trong thành phố có học sinh đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển trường

5.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển trường

Ngày 20 tháng 4 năm 1983 Giám đốc Sở Giáo dục Hậu Giang ký Công văn thông báo mở trường PTTH Thạnh Trị II tại thị trấn Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 8 năm 1991 Sở Giáo dục Hậu Giang ra Quyết định tạm thời ghép cấp 2 thuộc trường Phổ thông cơ sở Ngã Năm vào trường PTTH Thạnh Trị II để lập trường Cấp 2-3 Ngã Năm.

Ngày 31 tháng 8 năm 1993 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ký quyết định đổi tên trường Cấp 2-3 Ngã Năm thành trường cấp 2-3 Mai Thanh Thế.

Ngày 11 tháng 10 năm 2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định đổi tên trường cấp 2-3 Mai Thanh Thế thành trường THPT Mai Thanh Thế trực thuộc sở GD-ĐT tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 16 tháng 8 năm 2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quyết định tách cấp 2 và 3 của trường THPT Mai Thanh Thế để thành lập trường THPT Mai Thanh Thế trực thuộc Sở GD-ĐT tỉnh Sóc Trăng và trường THCS Ngã Năm trực thuộc phòng GD-ĐT Ngã Năm.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quyết định số 320/QĐ-SGDĐT, ngày 17/7/2025 về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang về Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ.

5.2. Hiệu trưởng qua các thời kỳ

1. Thầy Phạm Xuân Dũng, Hiệu trưởng từ 1983 đến 1988.
2. Thầy Bùi Văn Út, Quyền Hiệu trưởng từ 1988 đến 1991.
3. Thầy Phạm Xuân Dũng, Hiệu trưởng từ 1991 đến 2003.
4. Thầy Nguyễn Văn Ba, Hiệu trưởng từ 2003 đến hết năm 2008.
5. Thầy Hoàng Văn Thái, Hiệu trưởng từ 20/01/2009 đến tháng 8 năm 2018.
6. Thầy Phạm Ngọc Thái, Hiệu trưởng từ 08/2018 đến 12/6/2020.
7. Thầy Trần Ngô Quyền, Hiệu trưởng từ 6/2020 đến nay.

6. Thông tin người đại diện pháp luật, người phát ngôn

- Họ tên: Trần Ngô Quyền
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: 41 Đường Mai Thanh Thế, Khu vực 1, Phường Ngã Năm, tỉnh Thành phố Cần Thơ.
- Số điện thoại: 0961996919
- Địa chỉ hợp thư: ht.thptmaithanhthe@soctrang.edu.vn

7. Quyết định thành lập trường

Quyết định số 320/QĐ-SGDĐT, ngày 17/7/2025 của Ngày 17 tháng 7 năm 2025 Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang về Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ.

- Quyết định số 697/QĐ-SGDĐT, ngày 15/6/2021 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Hội đồng trường THPT Mai Thanh Thế, nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Quyết định số 1903/QĐ-SGDĐT, ngày 22/10/2024 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường THPT Mai Thanh Thế, nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Quyết định số 125/ QĐ-SGDĐT, ngày 16/7/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ về việc tiếp nhận, bổ nhiệm viên chức quản lý (Bổ nhiệm Hiệu trưởng).
- Quyết định số 128/ QĐ-SGDĐT, ngày 16/7/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ về việc tiếp nhận, bổ nhiệm viên chức quản lý (Bổ nhiệm phó Hiệu trưởng).
- Quyết định số 1502/ QĐ-SGDĐT, ngày 19/11/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý (Bổ nhiệm phó Hiệu trưởng).

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 70 trong đó có 37 nữ

- Tổng số lớp học: 34 lớp

Tổng số		Khối 10		Khối 11		Khối 12		Hoàn cảnh			Dân tộc		
Lớp	Học sinh	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Nghèo	Cận Nghèo	Mồ côi Khuyết tật	TS	Khmer	Hoa
34	1416	11	451	11	494	12	471						

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Cán bộ quản lý

Lãnh đạo: (01 Hiệu trưởng, 02 phó Hiệu trưởng). Có 03 đạt trình độ trên chuẩn.

TT	Họ tên	Chức vụ	Trình độ				Ghi chú
			Chuyên môn	Chính trị	NN	TH	
1	Trần Ngô Quyền	Hiệu trưởng	ThS. QLGD	Cao cấp	3/6	NC	
2	Trần Thị Bạch Đằng	PHT	ThS. QLGD	Cao cấp	3/6	NC	
3	Đỗ Huy Sơn	PHT	ThS. Ngữ văn	Cao cấp*	3/6	NC	

2.2. Giáo viên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Môn dạy	Chỉ nh trị	Trình độ		Ghi chú
						NN	TH	
TỔ TIẾNG ANH								
1	Trịnh Thị Nhân	03/08/1977	ĐH	Tiếng Anh		ĐH	CB	
2	Nguyễn Tri Phương	21/6/1975	ĐH	Tiếng Anh		ĐH	B	
3	Hàng Thúy Trinh	06/08/1978	ĐH	Tiếng Anh		ĐH	B	
4	Nguyễn Thị Phương Anh	20/11/1982	ĐH	Tiếng Anh		ĐH	B	
5	Dương Thị Ngọc Trân	01/01/1984	ĐH	Tiếng Anh		ĐH	A	
6	Hà Khôi Trâm	18/09/1990	ThS	Tiếng Anh		ĐH	B	
TỔ NGŨ VĂN								
7	Nguyễn Văn Út	16/10/1978	ThS	Ngữ văn	TC	B1	A	
8	Lý Thanh Kiều	30/05/1982	ThS	Ngữ văn		B1	A	
9	Trần Thị Ngọc Quyên	01/10/1980	ThS	Ngữ văn		B1	NC	
10	Trần Thị Mai Thy	20/10/1979	ThS	Ngữ văn	TC	B	CB	
11	Lê Hồng Vân	01/01/1982	ĐH	Ngữ văn		B	CB	
12	Huỳnh Thượng Đoàn	09/09/1984	ĐH	Ngữ văn		B	A	

13	Liêu Ngọc Châu	27/07/1986	ThS	Ngữ văn	SC	B1	CB	
14	Huỳnh Thị Thén	20/09/1989	ĐH	Ngữ văn		B	A	
TỔ TOÁN								
15	Nguyễn Thị Oanh	11/11/1977	ĐH	Toán		B	A	
16	Nguyễn Quốc Tâm	14/02/1980	ĐH	Toán	TC	C	NC	
17	Trần Thế Cường	04/7/1979	ThS	Toán	TC	B	A	
18	Phan Văn Thôn	16/03/1979	ĐH	Toán	TC	B	A	
19	Lê Hữu Phúc	31/12/1983	ĐH	Toán	TC	B	CB	
20	Trần Hữu Nghĩa	29/01/1982	ThS	Toán		B1	A	
21	Trần Thị Thu Nguyệt	28/05/1980	ĐH	Toán		B	A	
22	Dương Văn Cười	01/09/1979	ThS	Toán	TC	B	A	
23	Lê Hoàng Khanh	01/01/1979	ĐH	Toán		C	NC	
24	Nguyễn Ngọc Ngân	06/01/1982	ĐH	Toán		B	B	
25	Trần Minh Khang	28/10/1987	ThS	Toán		B	B	
26	Huỳnh Thị Mỹ Phương	04/11/1987	ĐH	Toán		B	A	
27	Lê Hạnh Liên	01/01/1989	ĐH	Toán		B	A	
28	Võ Thị Rum Em	19/01/1987	ThS	Toán	SC	B1	B	
TỔ LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ- GDKT& PL								
29	Lý Thị Út Nhỏ	02/09/1976	ĐH	Lịch sử	TC	B	NC	
30	Đào Nguyễn Minh Nga	28/12/1977	ĐHS	Lịch sử		B	A	
31	Nguyễn Thị Ngoan	19/02/1987	ĐH	Lịch sử		B	NC	
32	Lý Ngọc Diên	16/10/1986	ThS	Lịch sử		B1	NC	
33	Dương Kim Thắm	20/07/1981	ĐH	GDKT&PL		B	A	
34	Lê Thị Bé Liên	24/02/1982	ĐH	GDKT&PL	SC	B	NC	
35	Lê Thị Ngọc Huyền	1/1/1996	ĐH	GDKT&PL	SC	B	CB	
36	Huỳnh Thị Phương	04/01/1980	ĐH	Địa lí	TC	B	A	
TỔ VẬT LÍ- CÔNG NGHỆ								
37	Nguyễn Hải Âu	29/01/1981	ĐH	Vật lí	TC	B	NC	
38	Ngô Thị Cẩm Khuyến	25/04/1979	ĐH	Vật lí	SC	B	NC	
39	Ngô Hải Yên	27/12/1981	ThS	Vật lí		B1	NC	
40	Ngô Minh Kết	09/3/1986	ThS	Vật lí		B2	A	
41	Huỳnh Thị Mị	01/01/1989	ĐH	Lí- CN		B	A	
42	Trần Hà Duy	29/04/1989	ThS	Lí- CN		B1	B	
43	Nguyễn Việt Sáu	20/10/1969	ĐH	KTCN		B		
TỔ TIN HỌC								
44	Lê Đoàn Di	10/11/1976	ĐH	Tin học	TC	B	ĐH	
45	Trịnh Tùng	12/01/1985	NCS	Toán - Tin	SC	ĐH	ĐH	
46	Lê Thanh Điền	12/10/1985	ThS	Toán - Tin		B1	ĐH	
47	Trần Quốc Thịnh	09/05/1984	ĐH	Tin học		B	ĐH	
48	Huỳnh Văn Nhí	01/01/1987	ĐH	Tin - Lý		B	ĐH	
TỔ HOÁ HỌC								
49	Đặng Thị Ngọc Huệ	14/06/1977	ĐH	Hóa học		B	A	

50	Nguyễn Bé Ba	25/10/1978	ĐH	Hóa học		B	A	
51	Phan Trang Ngọc	13/10/1989	ĐH	Hóa học		B	B	
52	Nguyễn Hoàng Lin	27/11/1989	NCS	Hóa học	TC	ĐH	B	
TỔ SINH HỌC – CÔNG NGHỆ								
53	Nguyễn Thị Hồng Thúy	22/04/1978	ĐH	Sinh học	TC	B	CB	
54	Võ Lệ Hằng	10/10/1976	ĐH	Sinh học	SC	B	NC	
55	Trần Thị Kiều	26/03/1981	ThS	Sinh học	TC	B1	NC	
56	Huỳnh Thị Ngọc Nhung	17/10/1979	ĐH	Sinh học	TC	B	NC	
57	Chung Điện Bình	22/08/1982	ĐH	KTNN		B	A	
TỔ GDTC – QPAN								
58	Võ Văn Thanh	25/11/1981	ĐH	GDTC		C	B	
59	Nguyễn Hoàng Thuận	06/5/1983	ĐH	GDTC	TC	B	A	
60	Nguyễn Hoàng Phúc (TD)	20/08/1989	ĐH	GDTC		B	A	
61	Nguyễn Hoàng Phúc	01/01/1982	ĐH	GDQP&AN		B	NC	
62	Lâm Quang Tính	21/05/1982	ĐH	GDQP&AN	TC	C	B	

Giáo viên: 65 giáo viên (chuẩn là 2,25 GV/lớp). Nhu cầu 74 giáo viên thiếu môn Địa lí 02, 8 giáo viên tham gia hoạt động khác.

2.3. Nhân viên trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Chính trị	Trình độ		Ghi chú
						NN	TH	
NHÓM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÙNG CHUNG (05 vị trí)								
1	Danh Hiền Thế	01/12/1964	TC	Phụ trách KT				
2	Lê Trúc Linh	01/01/1979	TC	Thư viện viên		B	A	KN
3				Văn thư viên trung cấp				
4				Y tế học đường				
5				CV về quản trị công sở				Thiếu
6				NV thiết bị, thí nghiệm				Thiếu
7				Viên chức giáo vụ				Thiếu
NHÓM HỖ TRỢ PHỤC VỤ (05 vị trí)								
8	Bùi Hữu Đức	01/01/1983	THPT	Bảo vệ				HĐLĐ
9	Lưu Chí Hôn	19/5/1982	THCS	Bảo vệ				HĐLĐ
10	Nguyễn Thị Linh Xa	03/5/1985	THCS	Phục vụ				HĐLĐ

Nhân viên: 05 (01 kế toán, 01 nhân viên thư viện, 02 bảo vệ, 01 tạp vụ). Thiếu 02 nhân viên nhóm chức danh dùng chung: Chuyên viên về quản trị công sở.

Chất lượng đội ngũ (Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên 74) Trình độ chuyên môn:

NCS 02, Thạc sĩ 21, Đại học 43, Trung cấp 3, THPT 01, THCS 02.

Trình độ Lý luận Chính trị - Hành chính 22: 02 Cao cấp, 20 TC, 05 SC.

Ngoại ngữ: 71, trình độ B, C, B1 và 02 đại học, Tin học: 71

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

3.1. Diện tích và khuôn viên trường học

Trường THPT Mai Thanh Thế có diện tích 5600 m², bình quân tối thiểu là 4,03 m²/1 học sinh. Sỏi với quy định hiện diện tích chưa đủ theo yêu cầu chung.

3.2. Số lượng, hạng mục và khối hành chính quản trị

TT	Chỉ danh	Số lượng	Diện tích/Quy cách kỹ thuật/Công năng
1	Phòng học	31	56m ² /phòng kiên cố
2	Văn phòng	01	48m ² /phòng kiên cố
3	Phòng Giáo viên	01	96m ² /phòng kiên cố
4	Phòng Hiệu trưởng	01	56m ² /phòng kiên cố
5	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	48m ² /phòng kiên cố
6	Phòng Thí nghiệm chung	03	96m ² /phòng kiên cố
7	Phòng tin học	04	56m ² /phòng kiên cố
8	Phòng PHT- Các Đoàn thể	02	56m ² /phòng kiên cố
9	Phòng Thư viện	01	56m ² /phòng kiên cố
10	Phòng kế toán	01	48m ² /phòng kiên cố
11	Khu vệ sinh GV	02	Xây kiên cố đảm bảo hợp vệ sinh
12	Khu vệ sinh HS	02	Xây kiên cố đảm bảo hợp vệ sinh

3.3. Số lượng thiết bị đồ dùng dạy học

Chỉ còn thiết bị chương trình cũ, thiết bị đồ dùng chương trình 2018 chưa được bổ sung.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THPT Mai Thanh Thế hiện nay đạt chuẩn kiểm định mức 2, trường đạt chuẩn

Quốc gia mức độ 1. Theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện đầy đủ các hoạt động về công tác khảo thí theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công tác tự đánh giá theo đúng hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trường đã tích cực thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường qua từng năm học để xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, trong các hoạt động giáo dục của mình, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường đăng ký kiểm định tháng 5 năm 2026 và tái công nhận đạt chuẩn. Để công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 24 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 02 Phó chủ tịch, 04 thư ký; 01 nhóm thư ký (04 thành viên); 04 nhóm công tác (mỗi nhóm có 4-5 thành viên) với đầy đủ các thành phần: cấp ủy Đảng bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, giáo viên phụ trách các bộ phận, đoàn thể trong nhà trường... Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

5.1. Về nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 – 2025

5.1.1. Hoạt động dạy học

- Kết quả rèn luyện

- Kết quả rèn luyện

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	476	442	92,86	32	6,72	2	0,42	0	0
11	12	471	452	95,97	18	3,82	1	0,21	0	0
12	10	433	428	98,85	5	1,15	0	0	0	0
Cộng	33	1380	1322	95,80	55	3,99	3	0,22	0	0

- Kết quả học tập

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	476	191	40,13	195	40,97	90	18,91	0	0

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
11	12	471	201	42,68	215	45,65	55	11,68	0	0
12	10	433	269	62,12	158	36,49	6	1,39	0	0
Cộng	33	1380	661	47,90	568	41,16	151	10,94	0	0

- Nhận xét:

Kết quả rèn luyện: Tỉ lệ xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 95,80%, không có học sinh xếp loại không đạt.

Kết quả học tập: Tỉ lệ xếp loại tốt 47,90%; khá tỷ lệ 41,6%, đạt tỷ lệ 10,94%; không có trường hợp chưa đạt.

*** Học sinh THPT dân tộc thiểu số (Khmer, Hoa...)**

- Kết quả rèn luyện

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	48	45	93,75	3	6,25	0	0	0	0
11	12	47	46	97,87	1	2,13	0	0	0	0
12	10	49	49	100	0	0	0	0	0	0
Cộng	33	144	140	97,22	4	2,78	0	0	0	0

- Kết quả học tập

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	11	48	16	33,33	22	45,83	10	20,83	0	0
11	12	47	15	31,91	25	52,19	7	14,89	0	0
12	10	49	25	51,02	23	46,94	1	2,04	0	0
Cộng	33	144	56	38,89	70	48,61	18	12,50	0	0

- Nhận xét:

+ Kết quả rèn luyện: xếp loại Khá, Tốt đạt 100%.

+ Kết quả học tập: xếp loại Khá, Tốt đạt 87,50%.

5.1.2. Kết quả cuộc thi TNTHPT, thi học sinh giỏi

Học sinh Tốt nghiệp THPT năm 2025 là 433/433 đạt 100%.

Kết quả TNTHPT năm 2025

Học sinh Tốt nghiệp THPT năm 2025 là 433/433 đạt 100%.

TT	Môn	Số TS dự thi	Điểm ≥ 5	Tỉ lệ ≥ 5	Điểm trung bình			Ghi chú
					Trường	TP	Cả nước	
1	Toán	433	116	26,8	4.17	4.3	4.78	47/109
2	Ngữ văn	433	430	99,3	7.9	7.26	7	6/109
3	Tiếng Anh	66	29	43,9	4.71	5.09	5.38	32
4	Lịch sử	255	213	83,5	6.5	6.41	6.52	43/94
5	Vật lí	79	76	96,2	6.84	6.67	6.99	20/59
6	Hóa học	109	56	51,4	5.08	5.79	6.06	45/54
7	Sinh học	39	24	61,5	5.44	5.75	5.78	
8	Địa lí	248	202	81,5	6.23	6.51	6.63	60/89
9	GDKT&PL	70	70	100	8.19	7.68	7.69	3/74

Học sinh đỗ Đại học, Cao đẳng sau TNTHPT 277/433 chiếm 63,79%.

Học sinh giỏi cấp tỉnh 33 giải: 01 giải nhất, 05 giải nhì, 10 giải ba, 17 giải khuyến khích;

Thi học sinh giải Toán trên máy tính cầm tay: đạt 02 giải ba, 02 giải khuyến khích.

5.1.3. Hoạt động các cuộc thi sáng tạo KHKT, STTTN- Nhi đồng

Thi STKHKT: Có 2 sản phẩm thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật dự thi chung khảo kết quả được công nhận;

5.2. Kết quả- hiệu quả các hoạt động giáo dục

Tham gia Điền kinh học sinh phổ thông cấp tỉnh xếp thứ hạng từ thứ 5 toàn đoàn, thứ 3 hội khỏe.

Tham gia Hội thao Quốc Phòng An ninh xếp thứ khuyến khích toàn Đoàn;

Việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nhất là chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, mặc dù còn hơi ngỡ ngàng nhưng nhà trường đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, tư vấn đến phụ huynh, học sinh về chương trình mới đồng thời đã tổ chức tốt các tổ hợp đăng ký môn học:

5.3. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 10

Khối	Lớp	Tổng số	Môn học tự chọn bắt buộc							Cụm chuyên đề	Ghi chú	
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GDKT&PL	CNTK			CNTT
Khối 10	10A1	43	43	43	43	43					Toán; Ngữ văn, Tin học	
	10A2	42	42	42	42	42					Toán; Ngữ văn, Tin học	

10A3	44	44	44	44	44					Toán; Ngữ văn, Tin học
10A4	43	43	43	43	43					Toán; Ngữ văn, Tin học
10A5	45	45	45	45		45				Toán; Ngữ văn, Hóa học
10A6	43	43	43	43		43				Toán; Ngữ văn, Hóa học
10A7	44	44	44	44			44			Toán; Ngữ văn, Vật lí.
10A8	42	42	42	42			42			Toán; Ngữ văn, Vật lí.
10A9	37	37			37		37		37	Toán; Ngữ văn, Tin học
10A10	34	34			34		34		34	Toán; Ngữ văn, Tin học
10A11	35	35			35		35		35	Toán; Ngữ văn, Tin học
Tổng	452	452	346	346	278	88	192		106	

3.4.2. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 11

TT	Lớp	Số số	Số học sinh học môn lựa chọn bắt buộc							Ghi chú Cụm chuyên đề	
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GD&PT & PL	CNTK		CNTT
1	11A1	43	43	43	43	43					Toán; Vật lí, Tin học
2	11A2	39	39	39	39	39					Toán; Vật lí, Tin học
3	11A3	39	39	39	39	39					Toán; Vật lí, Tin học
4	11A4	40	40	40	40	40					Toán; Ngữ văn, Tin học
5	11A5	40	40	40	40	40					Toán; Ngữ văn, Tin học
6	11A6	37	37	37	37		37				Toán, Ngữ văn, Vật lí
7	11A7	36	36	36	36		36				Toán, Ngữ văn, Vật lí
8	11A8	43	43			43	43	43			Toán, Ngữ văn, Tin học
9	11A9	41	41			41	41	41			Toán, Ngữ văn, Tin học
10	11A10	40	40			40	40	40			Toán, Ngữ văn, Tin học
11	11A11	41		41	41			41		41	Toán, Ngữ văn, CNTT
12	11A12	36		36	36			36		36	Toán, Ngữ văn, CNTT
Tổng		476	400	352	352	327	197	200		77	

3.4.3. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 12

Khối	Lớp	Tổng số	Môn học tự chọn bắt buộc							Cụm chuyên đề	Ghi chú
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GD&PT & PL	CNTK		
Khối 12	12A1	41	41	41	41	41					Toán, Ngữ văn; Vật lí;
	12A2	40	40	40	40	40					Toán, Ngữ văn; Vật lí;

12A3	41	41	41	41	41					Toán, Ngữ văn; Vật lí;
12A4	43	43	43	43	43					Toán, Ngữ văn; Vật lí;
12A5	36	36	36	36	36					Toán, Ngữ văn; Vật lí;
12A6	38	38	38	38		38				Toán, Ngữ văn; Vật lí;
12A7	35	35	35	35		35				Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
12A8	41	41			41	41	41			Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
12A9	42	42			42	42	42			Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
12A10	39	39			39	39	39			Toán, Ngữ Văn, GDKTPL
12A11	39		39	39			39		39	Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
12A12	36		36	36			36		36	Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
Khối 12	471	396	349	349	323	195	197		75	

Nhà trường thực hiện tốt quy trình lựa chọn sách giáo khoa đúng theo quy định và công khai danh mục sách tại website trường; Kết quả trong năm học 2024-2025, 100% học sinh có sách giáo khoa khi đến trường.

5.3. Về đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh

Công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông trong nhà trường phổ thông có vai trò quan trọng, là một hoạt động không thể thiếu được ở các trường phổ thông nhằm giúp học sinh nâng cao sự hiểu biết về nghề nghiệp và chính bản thân học sinh để có thể định hướng đúng đắn và đưa ra quyết định chọn ngành, chọn nghề nghiệp phù hợp.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2019-2025” nhằm định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT.

Nhà trường xây dựng kế hoạch số 229 /KH-THPTMTT, ngày 23/11/2021 Triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Đảng uỷ trường xây dựng Nghị Quyết chuyên đề 81 -NQ/ĐU, ngày 22/02/2023 Chuyên đề nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục học sinh đầu vào các trường Đại học, Cao đẳng đến năm 2025. Trong năm học 2024-2025, khoảng 65,34% học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học Đại học, Cao đẳng; còn khoảng 15% học sinh tham gia học nghề hoặc đi làm phụ giúp gia đình.

5.4. Về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học

Việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học được nhà trường quan tâm đặc biệt nhằm hướng tới xây dựng người học sinh không những giỏi về kiến thức mà còn vững về kỹ năng sống và đạo đức tốt. Kết quả cụ thể như sau:

+ Nhà trường xây dựng nội quy trường, lớp nghiêm túc và sinh hoạt cho toàn thể học sinh ngay từ đầu năm học. Trong suốt năm học, nhà trường tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện những sai phạm và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với phụ huynh trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho các em. Kết quả: Học sinh nhà trường được đánh giá ngoan, lễ phép và thực hiện tốt pháp luật nhà nước.

+ Ngoài việc thành lập các câu lạc bộ bộ môn, nhà trường chỉ đạo Đoàn thanh niên phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa như: tổ chức diễn đàn (“Nghe học sinh nói, nói học sinh nghe”, “Xây dựng tình bạn đẹp”, “Nói không với bạo lực học đường”;...); tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề; tổ chức các chuyến du khảo về nguồn; phối hợp với bộ môn trải nghiệm, hướng nghiệp tổ chức các chuyến đi thực tế để định hướng nghề nghiệp cho các em; ... Đặc biệt, với việc sinh hoạt chủ đề hàng tuần vào tiết chào cờ cũng góp phần rất lớn vào việc hình thành kỹ năng sống cho các em.

+ Nhà trường xây dựng các câu lạc bộ thể thao, đảm bảo cho học sinh có điều kiện phát triển đam mê theo năng khiếu của mình góp phần rèn luyện sức khỏe. Thông qua việc đầu tư các sân cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, ... giúp học sinh có điều kiện phát triển bản thân. Bên cạnh đó, nhà trường cũng thực hiện tốt việc giảng dạy bộ môn Giáo dục thể chất theo nguyện vọng lựa chọn của các em. Công tác phổ cập bơi cũng được thực hiện tốt ngay từ đầu mỗi năm học khi các em bước vào lớp 10.

+ Trong năm học 2024 - 2025, trường THPT Mai Thanh Thê thực hiện tốt công tác an toàn, an ninh trường học, không để xảy ra tình trạng bạo lực học đường, gây gổ đánh nhau.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0	0
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	18.360.977.857	13.217.949.100
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	1.884.110.204	2.335.454.257
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác (Cho thuê mặt bằng và DTHT)	468.645.352	585.386.599
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập	15.571.529.392	13.122.134.174
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		

2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	0	0
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo	105.677.909	67.312.800
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	4.188.3511.80 0	1.674.538.291
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	40.050.000	30.300.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	808.124.307	1.244.504.691

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. *Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giáo dục*

Trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục thông qua việc ứng dụng tốt các phần mềm như: Phần mềm quản lý học sinh (Vnedu), phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm xếp thời khoá biểu, phần mềm công tác kế toán, ...

Nhà trường khai thác triệt để vai trò của mạng xã hội trong việc tuyên truyền cũng như phối hợp với phụ huynh giáo dục học sinh.

Văn thư, kế toán và lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt chuyển đổi số trong xử lý và quản lý văn bản.

Áp dụng học bạ điện tử đối với 100% học sinh trong nhà trường.

Học sinh ứng dụng việc thanh toán các khoản thu qua tài khoản ngân hàng (chuyển khoản), không dùng tiền mặt.

Thực hiện tốt việc báo cáo kết quả thực hiện cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

100% giáo viên đều có kỹ năng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, số tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả ngày càng cao.

7.2. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh

Kết quả học tập môn tiếng Anh của học sinh đã có sự cải thiện đáng kể. Tỷ lệ học sinh đạt điểm cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông đã tăng lên, đồng thời kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của học sinh cũng được cải thiện rõ rệt. Trong năm học vừa qua có 02 học sinh tham gia thi học sinh giỏi tỉnh 01 giải ba, 01 giải khuyến khích.

Học sinh tham gia cuộc thi “Hùng biện Tiếng anh” và nhì cấp thị xã, giải khuyến khích cấp tỉnh.

Trình độ giáo viên Tiếng Anh được nâng cao: 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên trong đó có 01 giáo viên Thạc sĩ; 06/06 giáo viên đạt chuẩn CI;

Câu lạc bộ Tiếng anh được tổ chức có hiệu quả thông qua hoạt động thuyết trình, diễn kịch,... với đông đảo học sinh tham gia

7.3. Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác cải cách hành chính, kiểm tra nội bộ, dự giờ giáo viên trong hoạt động giáo dục và đào tạo

- Về hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác cải cách hành chính: Đạt được một số kết quả như sau:

+ Tích cực chỉ đạo, xây dựng, quán triệt, tuyên truyền, thực hiện công tác cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cơ quan mình phụ trách.

+ Niêm yết đầy đủ các văn bản về cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: Nội quy cơ quan; nội quy học sinh, quy chế hoạt động dân chủ, quy chế phối hợp giữa các phòng ban và các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài cơ quan.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục hành chính như: Học sinh chuyển trường, công văn đi đến, nhận bằng tốt nghiệp, chế độ miễn giảm học phí,...

+ Tất cả các hồ sơ, sổ sách về công tác hành chính được lưu giữ đầy đủ, xếp đặt gọn gàng, ngăn nắp và để nơi đúng quy định.

+ Phân công cán bộ phụ trách và tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính trong nhà trường.

+ Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản, tài chính công trong quản lý và sử dụng.

+ Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

-*Kiểm tra nội bộ, dự giờ giáo viên*

Lãnh đạo trường thực hiện tốt công tác kiểm tra hồ sơ đầu năm - kiểm tra hồ sơ tổ của 09 tổ chuyên môn. Kết quả: 100% tổ chuyên môn có đầy đủ hồ sơ tổ theo quy định.

Phân công tổ trưởng chuyên môn kiểm tra hồ sơ cá nhân của các thành viên

trong tổ. Kết quả: 100% giáo viên có đầy đủ hồ sơ cá nhân theo quy định.

Ra quyết định kiểm tra nội bộ: đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với giáo viên bộ môn; công tác chủ nhiệm đối với giáo viên chủ nhiệm; công tác tài chính đối với kế toán; thực hiện chương trình giáo dục đối với tổ chuyên môn. Kết quả kiểm tra: các cá nhân, bộ phận thực hiện tốt.

Ngoài ra, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo tổ trường chuyên môn tăng cường dự giờ các tiết thao giảng của giáo viên trong tổ. Kết quả: 100% các tiết thao giảng được đánh giá đạt loại tốt.

7.5. Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo

Nhà trường thực hiện tốt việc truyền thông về:

+ Các chủ trương, chính sách của ngành giáo dục và kết quả triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến giáo dục; các ngày lễ kỷ niệm của đất nước, của tỉnh và của ngành.

+ Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, bảo vệ chủ quyền biển đảo; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, phòng chống bạo lực học đường; nền nếp, kỷ cương, dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

+ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 11; tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2023- 2024; công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn.

+ Công tác nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; công tác quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp, đánh giá xếp loại viên chức hàng năm.

+ Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, kết quả triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; công tác tài chính, chính sách học phí, chế độ chính sách đối với người học; công tác công khai giáo dục trong nhà trường.

+ Thực hiện công tác cải cách hành chính, dân chủ cơ sở và dân vận chính quyền, giải quyết các thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của phụ huynh và học sinh.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên của trường THPT Mai Thanh Thế năm 2025./.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT (để báo cáo)
- Đăng website trường (công báo)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Trần Ngô Quyền

